

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS - ST

Ngày: 17 - 3 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Kiêm – Cán bộ quân đội nghỉ hưu trí tại xã Hải Hà, huyện Hải Hậu.

Ông Nguyễn Ngọc Phán – Hiệu trưởng Trường THCS Hải Tây, xã Hải Tây, huyện Hải Hậu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Lại Minh Khôi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2020/TLST - HS, ngày 21 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Hoàng Thị T, sinh năm 2000; nơi sinh: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 8, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1980; chồng là Phạm Văn H, sinh năm 1994 và 01 con sinh ngày 31/3/2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/12/2019 đến ngày 15/12/2019 thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

- Bị hại: Cháu Hoàng Nguyễn K, sinh ngày 20/01/2004. (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Hoàng Văn K1, sinh năm 1959 (là bố đẻ cháu K). (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố số 2, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị Mỹ L, sinh 24/4/2003. (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị L: Bà Trần Thị N, sinh năm 1975 (là mẹ đẻ chị L). (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

2. Anh Cao Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố số 5, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

3. Anh Đỗ Thành Đ, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm 1, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

4. Anh Cao Văn N, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm L, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm V, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Cộng H, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 3, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

7. Chị Lê Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 4, xã HQ, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

8. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; Xóm T, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

10. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 8, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 02/12/2019, Hoàng Thị T ngồi chơi cùng Cao Văn T và Trần Thị Mỹ L tại nhà anh Nguyễn Văn Phong tại Xóm Văn Lý, xã Hải Lý, huyện Hải Hậu. T nảy sinh ý định về nhà bố mẹ đẻ là ông Hoàng Văn C tại Xóm 4, xã H, huyện H lấy xe máy điện mang đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu nhưng không nói cho ai biết mục đích của mình. T mượn xe mô tô biển kiểm soát 18Z5 – 1552 của T rồi nhờ L chở về nhà. Khi đi qua cổng nhà ông C thấy khóa cửa, khóa cổng nên T không lấy được tài sản, lúc này T nghĩ đến nhà anh Phạm Văn P ở gần nhà bố mẹ T có học sinh thường xuyên gửi xe đi học nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L chở T đến gần nhà anh P cách cổng khoảng 06m đứng chờ, T nói với L “đợi tao tý, tao vào nhà dắt xe ra”, do L không biết nhà T nên tưởng T vào nhà anh P là vào nhà bố mẹ đẻ T để lấy xe. T đi bộ một mình vào nhà anh P, thấy cổng không khóa, trong sân có 03 đến 04 xe máy điện nhưng không có người trông coi, T vào mở cổng rồi dắt chiếc xe điện biển kiểm soát 18MĐ7-

081.49 của cháu Hoàng Nguyễn K ra ngoài đường và mở khóa điện nhưng không mở được, T nói với L “chắc mẹ chị thay ổ khóa rồi” và nhờ L điều khiển xe máy điện còn T điều khiển xe mô tô đẩy phía sau đến cửa hàng của anh Cao Văn N ở xóm L, xã HL thay ổ khóa điện. Đến 16 giờ cùng ngày, T nhờ T mang xe máy điện đi cầm cố lấy tiền nhưng T không cầm cố được, sau đó T đem xe đến nhà anh Nguyễn Văn T ở xóm T, xã HT để gửi và hỏi mượn của anh Nguyễn Thành L số tiền 4.000.000 đồng. T đưa số tiền trên cho T và nói dối là do cầm cố chiếc xe. T đã sử dụng hết số tiền trên. Đến ngày 06/12/2019, T đến Công an huyện Hải Hậu đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐG ngày 09/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Hải Hậu kết luận: Chiếc xe máy điện biển kiểm soát 18MĐ7-081.49 có giá trị là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về nội dung kết luận định giá trên. Sau khi nhận lại tài sản từ cơ quan điều tra, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì về dân sự.

Cáo trạng số 11/CT-VKS-HH, ngày 21/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố bị cáo Hoàng Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Về xử lý vật chứng, tuyên trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18Z5 – 1552 cho anh Nguyễn Thành L.

Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại tại phiên tòa xác nhận đã được trả lại tài sản bị trộm cắp; không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự; không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa và lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận đã phạm tội, hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 02/12/2019 tại nhà anh Phạm Văn P tại Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; bị cáo Hoàng Thị T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe điện biển kiểm soát 18MD7-081.49 trị giá 11.000.000 đồng của cháu Hoàng Nguyễn K sử dụng đi học gửi nhà anh P. Bị cáo là người có thể chất, tinh thần bình thường, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ nên bị cáo phải bị xử lý nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng tại thời điểm bị cáo phạm tội, bị hại chưa đủ 16 tuổi nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội đối với trẻ em quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, T độ ăn năn hối lỗi; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe máy điện biển kiểm soát 18MD7-081.49 do bị cáo chiếm đoạt của bị hại đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18Z5 – 1552 bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Trong quá trình điều tra đã xác định chiếc xe là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Thành L cho Cao Văn T mượn, T cho bị cáo mượn lại nhưng anh L và T đều không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại

cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Thành L theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Đối với Cao Văn T có hành vi mang chiếc xe máy điện biển kiểm soát 18MĐ7-081.49 do Hoàng Thị T nhờ đi cầm cố nhưng T không biết do bị cáo phạm tội mà có. Còn Trần Thị Mỹ L được Hoàng Thị T nhờ chở về nhà nhưng L không biết nhà T và không biết T vào nhà anh Phúc để trộm cắp tài sản nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với T và L.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Hoàng Thị T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án. Được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 06/12/2019 đến ngày 15/12/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả cho anh Nguyễn Thành L chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18Z5 – 1552.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/3/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hậu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- Công an huyện Hải Hậu: 02 bản;
- UBND xã HS: 01 bản;
- Bị cáo: 01 bản;
- Người tham gia tố tụng khác: 03 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên